

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

Số: ~~423~~ 23./2026/CQN-TK

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính
quý 2 năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
Mã chứng khoán : CQN
Địa chỉ trụ sở chính : Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 0203 6283288
Website : www.quangninhport.com.vn
Người thực hiện công bố thông tin : Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc
Loại công bố thông tin: Định kỳ

1. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2026 (*Báo cáo tài chính quý 2 năm 2026 kèm theo*).

2. Thông tin nói trên được Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh công bố trên website của Công ty: www.quangninhport.com.vn vào ngày 20/07/2026.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin nói trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo./. *huc*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Trọng Tùng
Hoàng Trọng Tùng

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 2 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

- Mã chứng khoán: CQN

- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại liên hệ: 0203 6283288.

- Email: qnp@quangninhport.com.vn

Website: www.quangninhport.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC quý 2 năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/07/2026 tại đường dẫn www.quangninhport.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *huz*

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 2 năm 2026;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hương Trọng Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

**Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh
Quảng Ninh**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II/2026

Mục lục

	Trang
- Báo cáo tình hình tài chính quý II năm 2026	1 - 2
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2026	3 - 4
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2026	5
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý II năm 2026	6 - 27

Tháng 7 Năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		556.783.711.262	459.244.253.577
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.660.909.887	47.352.779.426
Tiền	111		43.660.909.887	47.352.779.426
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		357.700.000.000	297.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	357.700.000.000	297.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.276.956.705	67.435.637.290
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	67.851.971.261	62.368.345.445
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.828.137.447	3.003.774.826
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	17.399.636.235	10.866.305.257
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	5.5	(8.802.788.238)	(8.802.788.238)
Hàng tồn kho	140	5.6	41.826.301.896	40.645.968.481
Hàng tồn kho	141		41.826.301.896	40.645.968.481
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		4.319.542.774	6.109.868.380
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.11	2.907.755.608	2.330.467.352
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	163	5.13	1.411.787.166	3.779.401.028
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		730.956.353.489	743.740.384.181
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		83.260.846.310	95.009.452.177
TSCĐ hữu hình	221	5.8	83.260.846.310	95.009.452.177
- Nguyên giá	222		611.914.897.087	612.415.749.698
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(528.654.050.777)	(517.406.297.521)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		4.230.060.000	4.230.060.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.230.060.000)	(4.230.060.000)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250	5.7	36.834.492.810	36.601.369.901
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		36.834.492.810	36.601.369.901
Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.10	592.847.231.078	592.847.231.078
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		2.207.213.772	2.207.213.772
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		609.991.442.351	609.991.442.351
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(19.351.425.045)	(19.351.425.045)
Tài sản dài hạn khác	270		18.013.783.291	19.282.331.025
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.11	18.013.783.291	19.282.331.025
Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.287.740.064.751	1.202.984.637.758

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ II (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
NỢ PHẢI TRẢ	300		248.432.669.280	180.773.388.010
Nợ ngắn hạn	310		248.432.669.280	180.773.388.010
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	30.904.204.297	25.857.955.350
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.570.311.044	4.283.197.972
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		75.077.972.932	31.153.932
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	20.765.013.740	16.800.181.574
Phải trả người lao động	315		45.245.088.990	53.033.057.139
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.14	8.969.573.365	4.139.902.771
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		2.431.278.681	1.046.422.887
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	50.233.264.218	68.636.283.808
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.235.962.013	6.945.232.577
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	1.039.307.395.471	1.022.211.249.748
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.499.360.000	750.499.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.499.360.000	750.499.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn	412		87.099.700.000	87.099.700.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.230.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		192.478.335.471	184.612.189.748
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		86.582.253.748	52.676.624.875
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		105.896.081.723	131.935.564.873
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.287.740.064.751	1.202.984.637.758

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Quỳnh

Vũ Mạnh Duy

Hoàng Trọng Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II (Dạng đầy đủ)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/6/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	235.000.322.434	165.641.434.394	448.700.063.581	348.630.978.542
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		235.000.322.434	165.641.434.394	448.700.063.581	348.630.978.542
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	153.727.051.344	100.391.251.556	301.394.731.407	224.064.964.358
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		81.273.271.090	65.250.182.838	147.305.332.174	124.566.014.184
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	4.186.543.519	3.894.334.494	8.932.936.185	6.548.501.461
Chi phí tài chính	23	6.4	1.873.703	1.434.141	1.873.703	1.885.865
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	14.342.064.256	11.063.139.004	36.101.872.832	35.161.909.461
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.115.876.650	58.079.944.187	120.134.521.824	95.950.720.319
Thu nhập khác	31	6.5	6.683.953.078	6.705.684.658	13.361.368.518	15.422.640.293
Chi phí khác	32	6.6	191.690.248	458.099.711	1.093.932.614	1.122.020.226
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.492.262.830	6.247.584.947	12.267.435.904	14.300.620.067
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.608.139.480	64.327.529.134	132.401.957.728	110.251.340.386

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II (Dạng đầy đủ)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/6/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	15.547.112.355	12.835.879.619	26.505.876.005	22.020.641.869
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		62.061.027.125	51.491.649.515	105.896.081.723	88.230.698.517
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	827	686	1.411	1.176

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Mạnh Duy

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Trọng Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ II (theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/6/2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	451.892.913.595	472.375.242.925
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(248.862.879.007)	(198.410.647.198)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(75.053.543.753)	(69.228.633.863)
Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(18.833.690.145)	(5.569.562.872)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16.274.601.746	15.746.860.478
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49.539.208.937)	(34.051.959.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	75.878.193.499	180.861.299.878
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-	(128.200.000)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(510.000.000.000)	(250.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	450.000.000.000	195.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(103.405.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.403.637.656	6.360.395.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.596.362.344)	(152.172.804.825)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.961.150)	(44.424.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.961.150)	(44.424.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	26.278.870.005	28.644.071.053
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	47.352.779.426	27.984.990.271
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	61	29.260.456	256.572.039
	70	73.660.909.887	56.885.633.363

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Quỳnh

Vũ Mạnh Duy



Hoàng Trọng Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 08 năm 2014. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 22/4/2026, Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Tổng số cổ phần của Công ty là 75.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 607 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 công ty có 610 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính quý II này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính quý II này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý II cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh quý II thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.5 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính quý II theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Giá trị nguyên vật liệu, CCDC

Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06-27 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06-20 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-13 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03-08 năm |

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

4.9 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác. Chi phí chờ phân bổ sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

4.10 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính quý II theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chờ phân bổ được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 22 tháng 4 năm 2026 là 750.499.360.000 đồng và được chia thành 75.049.936 cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông sau khi được ĐHCĐ thông qua.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

4.15 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT của Công ty đối với các đại lý tàu biển nước ngoài là 0%, các dịch vụ khác là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính quý II có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUÝ II**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	128.567.893	237.565.477
Tiền gửi không kỳ hạn	43.532.341.994	47.115.213.949
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
Cộng	73.660.909.887	47.352.779.426

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	90.000.000.000	250.000.000.000
Cho vay	267.700.000.000	47.700.000.000
Cộng	357.700.000.000	297.700.000.000
b. Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	-	-
Cộng	-	-

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	67.851.971.261	62.368.345.445
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	67.851.971.261	62.368.345.445

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	17.399.636.235	(506.381.220)	10.866.305.257	(506.381.220)
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	4.994.042.736	-	6.494.004.663	-
Tạm ứng	1.258.500.463	-	525.269.311	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	506.381.220	(506.381.220)
Công ty CP tập đoàn Dabaco Việt Nam	-	-	1.151.502.242	-
Công ty TNHH sản xuất bột mỳ VIMAFLOUR	2.869.799.014	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

Công ty TNHH Triều An QN	2.388.923.198	-	-	-
Công ty TNHH xay lúa mì VFM WILMAR	3.009.720.728	-	-	-
Phải thu khác	2.372.268.876	-	2.189.147.821	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	17.399.636.235 (506.381.220)		10.866.305.257 (506.381.220)	

5.5 Nợ xấu

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	8.802.788.238	-	8.802.788.238	-
- Từ 3 năm trở lên	8.802.788.238	-	8.802.788.238	-
- Cty CP ĐT Cửu Long	-	-	-	-
- Vinashin	-	-	-	-
- Công ty CP Công Nghiệp Nặng Cửu Long	1.185.424.000	-	1.185.424.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Quang Minh	5.373.413.834	-	5.373.413.834	-
- Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh	1.079.569.304	-	1.079.569.304	-
- Khác	1.164.381.100	-	1.164.381.100	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	6.697.598.704	-	6.945.109.936	-
Phụ tùng và vật tư thay thế	33.812.798.104	-	32.377.084.901	-
Công cụ, dụng cụ	1.315.905.088	-	1.323.773.644	-
Cộng	41.826.301.896	-	40.645.968.481	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	36.489.821.105	36.524.577.499
Dự án kho bãi hàng hóa đổi thương lưu bến một	32.493.489.224	32.493.489.224
Dự án kho 4200m ² đổi trong bến một	2.298.399.091	2.298.399.091
Dự án khác	1.697.932.790	1.732.689.184
- Sửa chữa	344.671.705	76.792.402
Cộng	36.834.492.810	36.601.369.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	169.806.083.369	107.881.769.171	334.027.361.048	700.536.110	-	612.415.749.698
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	500.852.611	-	-	-	-	500.852.611
Số dư cuối kỳ	169.305.230.758	107.881.769.171	334.027.361.048	700.536.110	-	611.914.897.087
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	130.485.941.399	106.183.209.162	280.142.551.886	594.595.074	-	517.406.297.521
- Khấu hao trong kỳ	2.416.113.606	228.846.852	9.076.279.794	27.365.615	-	11.748.605.867
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	500.852.611	-	-	-	-	500.852.611
Số dư cuối kỳ	132.401.202.394	106.412.056.014	289.218.831.680	621.960.689	-	528.654.050.777
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	39.320.141.970	1.698.560.009	53.884.809.162	105.941.036	-	95.009.452.177
Tại ngày cuối kỳ	36.904.028.364	1.469.713.157	44.808.529.368	78.575.421	-	83.260.846.310
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng						199.507.044.461

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	4.230.060.000	4.230.060.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.230.060.000	4.230.060.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	-	4.230.060.000	4.230.060.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	4.230.060.000	4.230.060.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-
Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng			4.230.060.000

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.207.213.772)	2.207.213.772	(2.207.213.772)
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	609.991.442.351	(17.144.211.273)	609.991.442.351	(17.144.211.273)
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	374.860.713.000	-	374.860.713.000	-
Quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	-	1.015.739.351	-
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam	1.000.000.000	(129.300.000)	1.000.000.000	(129.300.000)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Việt Nam	29.709.990.000	(17.014.911.273)	29.709.990.000	(17.014.911.273)
Cty CP Vận tải và TM hàng không T&T	103.405.000.000	-	103.405.000.000	-
Cộng	612.198.656.123	(19.351.425.045)	612.198.656.123	(19.351.425.045)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.11 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
a. Ngắn hạn	2.907.755.608	2.330.467.352
Bảo hiểm tài sản	1.147.738.108	541.784.237
Thuê nhà kho	1.344.392.500	1.155.000.000
Chi phí trả trước khác	415.625.000	633.683.115
b. Dài hạn	18.013.783.291	19.282.331.025
Chi phí sửa chữa TSCĐ	14.110.950.361	13.613.503.539
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.902.832.930	5.668.827.486
Cộng	20.921.538.899	21.612.798.377

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	30.904.204.297	30.904.204.297	25.857.955.350	25.857.955.350
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	30.904.204.297	30.904.204.297	25.857.955.350	25.857.955.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2026 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.538.019.713	19.887.592.119	19.360.507.337	3.065.104.495
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.027.723.385	26.505.876.005	18.833.690.145	17.699.909.245
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.234.438.476	1.746.413.678	5.980.852.154	-
Thuế, phí khác	-	-	-	-
Cộng	16.800.181.574	48.139.881.802	44.175.049.636	20.765.013.740
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	3.779.401.028	2.693.923.562	184.200	1.085.661.666
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	326.125.500	326.125.500
Cộng	3.779.401.028	2.693.923.562	326.309.700	1.411.787.166

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
a. Ngắn hạn	8.969.573.365	4.139.902.771
Khác	8.969.573.365	4.139.902.771
b. Dài hạn	-	-
Cộng	8.969.573.365	4.139.902.771

5.15 Phải trả khác

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
a. Ngắn hạn	50.233.264.218	68.636.283.808
Kinh phí công đoàn	91.730.200	76.801.870
Tiền thuê cơ sở hạ tầng	47.695.840.103	66.155.829.237
Khác	2.445.693.915	2.403.652.701
b. Dài hạn	-	-
Cộng	50.233.264.218	68.636.283.808



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

5.16 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ SH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	750.499.360.000	87.099.700.000	-	141.476.560.875	979.075.620.875
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	131.935.564.873	131.935.564.873
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(88.799.936.000)	(88.799.936.000)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	750.499.360.000	87.099.700.000	-	184.612.189.748	1.022.211.249.748
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	105.896.081.723	105.896.081.723
- Tăng khác	-	-	9.230.000.000	-	9.230.000.000
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(98.029.936.000)	(98.029.936.000)
Số dư cuối kỳ	750.499.360.000	87.099.700.000	9.230.000.000	192.478.335.471	1.039.307.395.471

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Vốn góp của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	583.694.350.000	583.694.350.000
Vốn góp của đối tượng khác	166.805.010.000	166.805.010.000
Cộng	750.499.360.000	750.499.360.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Năm 2025 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	750.499.360.000	750.499.360.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	750.499.360.000	750.499.360.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia		75.049.936.000

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Năm 2025 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.049.936	75.049.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	75.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.049.936	75.049.936
Cổ phiếu phổ thông	75.049.936	75.049.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	235.000.322.434	165.641.434.394
Phí bốc xếp	145.533.316.345	105.348.470.620
Phí cầu bến	14.346.142.320	12.903.552.758
Tiền hàng hóa qua cảng	4.357.981.631	4.045.286.894
Tiền vận chuyển hàng	33.928.272.155	16.818.929.428
Lưu kho, bãi	17.373.060.661	9.891.417.481
Các dịch vụ khác	19.461.549.322	16.633.777.213

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Chi phí nhân công	19.977.320.874	10.554.747.422
Chi phí bốc xếp, lai dắt	56.380.805.191	31.178.898.359
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	33.684.623.098	23.760.314.037
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.790.303.189	7.374.421.323
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.216.668.071	8.067.558.603
Chi phí điện nước	2.989.623.162	1.973.167.843
Chi phí sửa chữa	4.109.863.561	5.658.388.856
Chi phí khác	20.577.844.198	11.823.755.113
Cộng	153.727.051.344	100.391.251.556

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.157.217.011	3.637.762.455
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.326.508	256.572.039
Lãi trả chậm	-	-
Khác	-	-
Cộng	4.186.543.519	3.894.334.494

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.873.703	1.434.141
Lỗ chậm trả	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	1.873.703	1.434.141

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Thuởng làm tàu nhanh	6.633.870.725	5.245.355.934
Thu tiền phạt bồi thường	50.082.353	947.189.537
Các khoản khác	-	513.139.187
Cộng	6.683.953.078	6.705.684.658

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Các khoản khác	191.690.248	458.099.711
Cộng	191.690.248	458.099.711

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.342.064.256	11.063.139.004
Chi phí nhân viên	8.012.643.245	4.604.125.173
Chi phí khấu hao	74.451.786	89.105.683
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.478.475	313.714.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.653.696.480	3.193.660.351
Chi phí khác	3.367.794.270	2.862.532.961
Chi phí dự phòng	-	-
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	14.342.064.256	11.063.139.004

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
a. Chi phí SX, kinh doanh theo yếu tố	168.069.115.600	111.454.390.560
Chi phí nhân công	27.989.964.119	15.158.872.595
Chi phí bốc xếp lai dắt	56.380.805.191	31.178.898.359
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	33.684.623.098	23.760.314.037
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.864.754.975	7.463.527.006
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.450.146.546	8.381.273.439
Chi phí điện nước	2.989.623.162	1.973.167.843
Chi phí sửa chữa	4.109.863.561	5.658.388.856
Chi phí khác	26.599.334.948	17.879.948.425
Cộng	168.069.115.600	111.454.390.560

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành		
Tổng lợi nhuận trước thuế	77.608.139.480	64.327.529.134
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	157.352.500	108.441.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Các điều chỉnh khác	(29.930.207)	(256.572.039)
Tổng thu nhập chịu thuế	77.735.561.773	64.179.398.095
Lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	77.735.561.773	64.179.398.095
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập hiện hành	15.547.112.355	12.835.879.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập hiện hành	15.547.112.355	12.835.879.619

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	62.061.027.125	51.491.649.515
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	75.049.936	75.049.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	827	686

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ tài chính các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026 (VND)
Thu nhập của nhân sự chủ chốt	
Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	1.229.911.656
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	120.000.000
Lương, thưởng của Ban Kiểm soát	99.000.000
Cộng	1.448.911.656

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	2.284.766.686	1.776.925.578
Cộng	2.284.766.686	1.776.925.578
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cty CP Vận tải và TM hàng không T&T	47.700.000.000	47.700.000.000
Cộng	47.700.000.000	47.700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Mối quan hệ	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Cty CP Vận tải và TM hàng không T&T	Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư	103.405.000.000	103.405.000.000
Cộng		47.700.000.000	47.700.000.000

7.2 Sự kiện phát sinh sau

Đến ngày lập Báo cáo tài chính quý II này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính quý II của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính Quý II năm 2026 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã được trình bày lại theo mẫu của Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Số liệu tại ngày 31/12/2025 trên BCTC đã kiểm toán	Số liệu tại ngày 01/01/2026 trên BCTC đã được trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	250.000.000.000	297.700.000.000	47.700.000.000	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	47.700.000.000	-	(47.700.000.000)	
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	31.153.932	31.153.932	
Phải trả ngắn hạn khác	68.667.437.740	68.636.283.808	(31.153.932)	

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2026 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý II năm 2025 của Công ty.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Quỳnh

Vũ Mạnh Duy



Hoàng Trọng Tùng